TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trà My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Dũng;

2. Ông Nguyễn Đắc Liệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 624/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2020/QĐ-ST ngày 14 tháng 9 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: 38 Nguyễn Công Trứ, Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Hồng Thế B, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: 38 Nguyễn Công Trứ, Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Kim C trình bày:

Bà và ông Hồng Thế B tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau được khoảng 03 tháng vào cuối năm 1999. Đầu năm 2000, ông bà sống chung như vợ chồng và tổ chức lễ cưới truyền thống. Đến năm 2003, bà và ông B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 12-3-2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi vã do bất đồng về quan điểm sống, cách nuôi dạy con cái, cách làm ăn kinh tế. Hơn nữa,

ông B không tôn trọng bà, có mối quan hệ với người phụ nữ khác, không còn quan tâm đến cuộc sống gia đình.

Bà cũng đã nhiều lần nói chuyện, khuyên nhủ ông B để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng ông B không thay đổi, vì vậy tình cảm vợ chồng bà ngày càng xa cách, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ đầu năm 2019 đến nay, bà và ông B sống ly thân, tuy ở cùng nhà nhưng không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Cũng từ thời gian này, ông B thường xuyên không ở nhà và không có trách nhiệm đến gia đình, ông đi đâu, làm gì cũng không thông báo cho bà biết. Nay, bà không còn tình cảm vợ chồng với ông B, yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Hồng Thế B.

Về con chung, cấp dưỡng: Bà và ông B có 03 con chung là Hồng Gia V, sinh ngày 05-4-2003; Hồng B Hân, sinh ngày 03-11-2005 và Hồng Gia K, sinh ngày 11-11-2011; bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu ông B cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vắng mặt, có đơn giữ nguyên các ý kiến trình bày ở giai đoạn trước khi xét xử và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn ông Hồng Thế B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố V đã tiến hành các thủ tục tống đạt đối với nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định nhưng nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, ông B vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần 2 nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các quy định pháp luật về Luật Hôn nhân và gia đình, kết quả xác minh của Tòa án, chứng cứ trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Lê Thị Kim C khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Hồng Thế B nên đây là vụ án "tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1

Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Hồng Thế B có nơi cư trú tại thành phố V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn Lê Thị Kim C, bị đơn ông Hồng Thế B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà C, ông B.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Bà C và ông B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 35 ngày 12-3-2003 nên là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà C trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, cách nuôi dạy con cái, cách làm ăn kinh tế dẫn đến vợ chồng thường hay cãi vã. Hơn nữa, ông B không tôn trọng bà, có mối quan hệ với người phụ nữ khác, không còn quan tâm đến cuộc sống gia đình. Bà C nhiều lần nói chuyện, khuyên nhủ ông B để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng ông B không thay đổi, vì vậy tình cảm vợ chồng bà ngày càng xa cách, mâu thuẫn gia tăng. Từ đầu năm 2019 đến nay, bà và ông B sống ly thân, tuy ở cùng nhà nhưng không quan tâm, chăm sóc đến nhau, ông B thường xuyên không ở nhà và không có trách nhiệm đến gia đình, ông đi đâu, làm gì cũng không thông báo cho bà biết. Bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông B.

Kết quả xác minh của Tòa án với địa phương nơi bà C, ông B sinh sống có nội dung: Vấn đề mâu thuẫn giữa bà C, ông B là có thật, thời gian 01 năm gần đây ông B thường xuyên vắng nhà, bà C có trình bày với khu phố là vợ chồng bà sống ly thân, tuy nhiên khu phố không xác định được nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và chưa tiến hành hòa giải giữa hai bên vì các đương sự không yêu cầu; những nội dung xác minh trên phù hợp với lời trình bày của bà C. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng và triệu tập ông B đến làm việc nhưng ông B không tham dự cũng như không có ý kiến phản hồi, cho thấy ông B không quan tâm đến tâm tư nguyện vọng của bà C và không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình.

Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, cả hai cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế, bà C xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông B và giữ nguyên ý kiến trình bày, yêu cầu khởi kiện của mình, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà C với ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân của bà C với ông B là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung, cấp dưỡng: Bà C và ông B có 03 con chung là Hồng Gia V, sinh ngày 05-4-2003; Hồng B H, sinh ngày 03-11-2005 và Hồng Gia K, sinh ngày 11-11-2011; bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu ông B cấp dưỡng. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung của bà C đồng thuận với nguyện vọng của cháu Hồng Gia V, Hồng B H, và Hồng Gia K; hơn nữa lời thừa nhận của bà C và kết quả xác minh tại địa phương cho thấy ông B thường xuyên vắng nhà sẽ không đảm B được việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy con cái. Xét việc bà C không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung là sự tự nguyện không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Bởi lẽ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C về việc được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là Hồng Gia V, Hồng B H, và Hồng Gia K; ông B không cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông B không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228, Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim C.

Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị Kim C được ly hôn với ông Hồng Thế B.

Về con chung, cấp dưỡng: bà Lê Thị Kim C được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là Hồng Gia V, Hồng B H và Hồng Gia K; ông B không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ của con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: bà C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà C phải chịu 300.000đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2020/0002200 ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V; bà C đã nộp xong án phí.

Ông Hồng Thế B không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- UBND P. 2, TP. Vũng Tàu, T. Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Trà My